

PHỤ LỤC 04
KIỂM KÊ KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT NỘI TỈNH KHU VỰC PHÍA TÂY TỈNH ĐẮK LẮK
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Hồ Nam Sơn	1407536	452283	Phường Buôn Ma Thuột	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Nam Sơn	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,06	0,23			
2	Hồ Ea Kô	1406574	450669	Phường Buôn Ma Thuột	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Kô	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,05	0,19			
3	Hồ K'Dun	1407354	445612	Phường Buôn Ma Thuột	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ K'Dun	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,44	0,19			
4	Hồ 201	1407608	442356	Phường Buôn Ma Thuột	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Sông Ea Mđhar	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,30	0,42			
5	Hồ Buôn Đung	1403404	448368	Phường Buôn Ma Thuột	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Buôn Đung	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,04	0,40			
6	Hồ Quê Hương	1407586	444302	Phường Buôn Ma Thuột	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Quê Hương	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,10	0,12			
7	Hồ Dã Prông	1408881	450279	Phường Buôn Ma Thuột	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Sông Ea Mđhar	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,17	0,58			
8	Hồ Ea Kao	1394192	449634	Phường Ea Kao	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Kao	Tưới, sản xuất nông nghiệp	17,76	3,18			
9	Hồ Buôn Bông	1391407	450824	Phường Ea Kao	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Buôn Bông	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,42	0,25			
10	Hồ 19/5	1397042	453229	Phường Ea Kao	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ 19/5	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,04	0,02			
11	Hồ Cao Thắng	1391833	453742	Phường Ea Kao	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Cao Thắng	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,04	0,21			
12	Hồ Ông Và	1406784	455973	Phường Tân An	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ông Và	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,05	0,35			
13	Hồ Ea Kôtam	1404593	458837	Phường Tân An	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Kôtam	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,22	0,19			
14	Hồ Ea Nao I	1406399	455636	Phường Tân An	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Nao I	Tưới, sản xuất	0,01	0,16			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	(Ông Thao)							(Ông Thao)	nông nghiệp					
15	Hồ Ông Hòa	1393334	446167	Xã Hòa Phú	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ông Hòa	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,10	0,37			
16	Hồ B	1393955	448276	Xã Hòa Phú	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ B	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,15	0,23			
17	Hồ Ba Vòi	1393226	446373	Xã Hòa Phú	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ba Vòi	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,10	0,21			
18	Đập dâng Tháng 10	1392779	441922	Xã Hòa Phú	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Đập dâng	Sông Ea Tour	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,56			
19	Hồ Ea Chư Káp thượng	1400336	460476	Phường Tân Lập	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Chư Káp thượng	Tưới, sản xuất nông nghiệp	1,19	0,04			
20	Hồ Thôn 1	1400844	455477	Phường Tân Lập	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Thôn 1	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,30	0,01			
21	Hồ Ea Khan	1399762	454728	Phường Tân Lập	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Khan	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,04	0,34			
22	Hồ Ea Chư Káp	1399093	459153	Phường Tân Lập	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Sông Ea Knir	Tưới, sản xuất nông nghiệp	12,20	12,31			
23	Hồ 1	1402661	457556	Phường Tân Lập	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ 1	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,30	0,67			
24	Hồ 2	1402151	457399	Phường Tân Lập	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ 2	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,30	0,16			
25	Hồ 3	1401770	456522	Phường Tân Lập	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Sông Ea Tam	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,15	0,12			
26	Hồ Đạt Lý	1409458	457465	Phường Tân An	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Đạt Lý	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,93	2,48			
27	Đập dâng Thọ Thành	1396564	439823	Xã Hòa Phú	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Đập dâng	Sông Ea Knir	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,92			
28	Hồ Trúc	1398222	448971	Phường Ea Kao	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Trúc	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,07	0,15			
29	Đập dâng Alê B	1400153	451415	Phường Ea Kao	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Đập dâng	Sông Ea Tam	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,29			
30	Hồ Ea Bư	1399239	449393	Phường Ea Kao	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Bư	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,04	0,20			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
31	Đập dâng Khánh Xuân	1398091	443952	Phường Thành Nhất	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Đập dâng	Sông Ea Tam	Tưới, sản xuất nông nghiệp		1,57			
32	Hồ Chư Dluê	1399661	445362	Phường Thành Nhất	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Chư Dluê	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,27	0,81			
33	Hồ Giò Gà	1396642	446868	Phường Thành Nhất	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Sông Ea Knir	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,31	0,34			
34	Hồ Thống Nhất	1399187	443309	Phường Thành Nhất	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Thống Nhất	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,25	0,48			
35	Hồ Trại Bò (Ea Nao II)	1403888	454048	Phường Tân An	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Trại Bò (Ea Nao II)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,07	0,29			
36	Hồ Ea Nao III	1404457	454344	Phường Tân An	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Nao III	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,15	0,49			
37	Hồ Đoàn Kết (Ông Giám)	1401693	453194	Phường Tân Lập	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Đoàn Kết (Ông Giám)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,59	0,81			
38	Hồ 11-3 (Ea Kmur)	1409115	452177	Phường Buôn Ma Thuột	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ 11-3 (Ea Kmur)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,11	0,49			
39	Đập dâng Cây Sung	1413440	442109	Xã Ea Nuôi	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Đập dâng	Suối Ea H'Nênh	Tưới, sản xuất nông nghiệp		1,29			
40	Đập dâng Ea Né	1414025	446034	Xã Ea Nuôi	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Đập dâng	Suối Ea H'Nênh	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,35			
41	Hồ Ea Bar	1412645	444662	Xã Ea Nuôi	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Bar	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,50	0,19			
42	Đập dâng Nà Xưc	1424904	430326	Xã Ea Nuôi	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Đập dâng	Sông Đắk Hua	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,55			
43	Hồ Đắk Huar	1427281	432932	xã Ea Wer	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Sông Đắk Chùa	Tưới, sản xuất nông nghiệp	2,46	0,63			
44	Hồ Đắk Minh	1428089	424806	Xã Buôn Đôn	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Sông Đắk Minh	Tưới, sản xuất nông nghiệp	8,72	0,36			
45	Hồ Ea Rông (Tháp Rông)	1409733	448207	Xã Buôn Đôn	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Sông Ea Mđhar	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,41	0,56			
46	Hồ Thiên Đường	1413836	438036	Xã Ea Wer	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Sông Ea Tul	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,01	0,40			
47	Hồ Cây Sầu	1418150	476346	Phường Cư Bao	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Cây Sầu	Tưới, sản xuất	0,26	0,39			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
									nông nghiệp					
48	Hồ Thôn 8	1416391	474662	Phường Cư Bao	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Thôn 8	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,10	0,21			
49	Hồ Ông Sung	1416059	474938	Phường Cư Bao	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ông Sung	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,08	0,23			
50	Hồ A90 thượng	1416410	475956	Phường Cư Bao	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ A90 thượng	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,25	0,36			
51	Hồ A90 hạ	1415836	476030	Phường Cư Bao	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ A90 hạ	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,27	0,36			
52	Hồ Ea Phê	1413063	475739	Phường Cư Bao	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Phê	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,22	1,11			
53	Hồ Hòa Bình	1414361	476292	Phường Cư Bao	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Sông Ea Kmlir	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,12	0,80			
54	Hồ Ea Buôr	1416229	469259	Phường Cư Bao	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Buôr	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,18	0,58			
55	Hồ Ea Kram	1415699	470906	Phường Cư Bao	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Kram	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,60	0,81			
56	Hồ Sơn Lộc	1415029	469932	Phường Cư Bao	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Sơn Lộc	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,03	0,17			
57	Hồ Ea Nao Đa	1414016	470902	Phường Cư Bao	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Nao Đa	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,23	0,76			
58	Hồ Ea Mnút	1418474	466773	Phường Cư Bao	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Mnút	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,16	0,28			
59	Hồ Ea Drông	1427380	480345	Xã Ea Drông	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Drông	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,22	1,23			
60	Hồ Ea Mrông	1428370	481381	Xã Ea Drông	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Mrông	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,15	0,83			
61	Hồ Ea Tung	1427014	480849	Xã Ea Drông	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Tung	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,11	0,89			
62	Hồ Ea Nghách	1426557	482121	Xã Ea Drông	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Nghách	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,14	0,95			
63	Hồ Ea Múych thượng	1427674	478698	Xã Ea Drông	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Sông Ea Krông	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,14	1,03			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
64	Hồ Ea Muých hạ	1425778	480384	Xã Ea Drông	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Sông Ea Krông	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,42	0,62			
65	Hồ Ea Muých	1420817	482174	Xã Ea Drông	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Muých	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,42	1,04			
66	Hồ Hà Môn	1421455	468077	Phường Buôn Hồ	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Hà Môn	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,39	0,88			
67	Hồ Thôn 5	1395113	474980	Xã Ea Ning	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Thôn 5	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,51	0,14			
68	Hồ Sinh Tre	1396468	472841	Xã Ea Ning	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Sinh Tre	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,41	1,32			
69	Hồ Đội 45	1395143	469291	Xã Ea Ning	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Đội 45	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,27	0,27			
70	Hồ Tắc Ngà	1395295	471064	Xã Ea Ning	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Tắc Ngà	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,30	1,53			
71	Hồ Ea Mta	1392018	463654	Xã Dray Bhang	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Mta	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,80	0,72			
72	Hồ Ea Bih	1390202	466724	Xã Dray Bhang	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Bih	Tưới, sản xuất nông nghiệp	1,36	0,48			
73	Hồ chế biến	1391448	465198	Xã Dray Bhang	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ chế biến	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,60	0,86			
74	Hồ đội 40 (Thôn 11)	1393376	467086	Xã Ea Ning	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ đội 40 (Thôn 11)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,60	0,67			
75	Hồ Đội 26 (Thôn 10)	1394739	467818	Xã Ea Ning	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Đội 26 (Thôn 10)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,08	0,34			
76	Hồ đội 41 (thôn 14)	1392631	468181	Xã Ea Ning	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ đội 41 (thôn 14)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,12	0,22			
77	Hồ đội 42 (thôn 8)	1395063	468028	Xã Ea Ning	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ đội 42 (thôn 8)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,23	0,81			
78	Hồ đội 43 (thôn 21)	1394322	469356	Xã Ea Ning	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ đội 43 (thôn 21)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,67	0,99			
79	Hồ đội 56 (thôn 7)	1393673	471346	Xã Ea Ning	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Sông Ea Enon	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,38	0,52			
80	Hồ Púk Prông	1396187	466142	Xã Ea Ning	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Púk Prông	Tưới, sản xuất	0,31	0,07			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	(Hồ Púk Prông)							(Hồ Púk Prông)	nông nghiệp					
81	Hồ thôn 24	1393734	465893	Xã Ea Ning	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ thôn 24	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,04	0,24			
82	Hồ Ea Hnin II	1397430	466714	Xã Ea Ning	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Hnin II	Tưới, sản xuất nông nghiệp	2,20	3,65			
83	Hồ Đội 36	1398334	468110	Xã Ea Ning	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Đội 36	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,41	0,88			
84	Hồ 46	1396012	468984	Xã Ea Ning	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Sông Ea Enon	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,15	1,46			
85	Hồ 35	1398022	467802	Xã Ea Ning	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ 35	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,12	0,41			
86	Hồ 39B	1396324	467982	Xã Ea Ning	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ 39B	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,18	1,05			
87	Hồ 39A	1396796	467887	Xã Ea Ning	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ 39A	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,43	0,81			
88	Hồ Đội 38A	1399868	467687	Xã Ea Ning	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Đội 38A	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,04	0,81			
89	Hồ Đội 38B	1399278	467346	Xã Ea Ning	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Đội 38B	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,06	1,22			
90	Hồ Đội 7 (thôn 23)	1393981	465987	Xã Ea Ning	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Đội 7 (thôn 23)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,06	0,81			
91	Hồ số 1 đội 5 (Hồ số 5A)	1395042	466145	Xã Ea Ning	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ số 1 đội 5 (Hồ số 5A)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,14	0,26			
92	Hồ số 2 đội 5 (Hồ số 5B)	1394718	466222	Xã Ea Ning	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ số 2 đội 5 (Hồ số 5B)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,13	0,30			
93	Hồ số 3 đội 5 (Hồ số 5C)	1394344	466091	Xã Ea Ning	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ số 3 đội 5 (Hồ số 5C)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,08	1,54			
94	Hồ 24 (Sen)	1388846	471410	Xã Ea Ning	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Sông Ea Enon	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,55	1,51			
95	Hồ Thắng Lợi	1391658	472780	Xã Ea Ning	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Thắng Lợi	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,72	0,56			
96	Hồ Ea Hu	1388884	470446	Xã Ea Ning	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Hu	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,50	1,97			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
97	Hồ Buôn Pu Huê	1397780	465139	Xã Ea Ktur	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Buôn Pu Huê	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,55	0,50			
98	Hồ Đội 9 (37B)	1398743	465993	Xã Ea Ktur	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Đội 9 (37B)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,11	0,16			
99	Hồ Đội 3 (Thôn 13)	1395415	463605	Xã Ea Ktur	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Đội 3 (Thôn 13)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,11	0,41			
100	Hồ Đội 37A (Đội 9 Số 1)	1398635	466207	Xã Ea Ktur	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Đội 37A (Đội 9 Số 1)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,11	0,06			
101	Hồ Ea Sim 1	1396367	463249	Xã Ea Ktur	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Sim 1	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,53	1,22			
102	Hồ Ea Sim 2	1396574	462615	Xã Ea Ktur	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Sim 2	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,18	0,41			
103	Hồ Ea Msen (Eapour đội 8)	1399144	464742	Xã Ea Ktur	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Msen (Eapour đội 8)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	1,59	2,43			
104	Hồ Đội 32	1398755	466307	Xã Ea Ktur	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Đội 32	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,06	0,24			
105	Hồ Đội 57 (Đội 34)	1395711	465386	Xã Ea Ktur	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Đội 57 (Đội 34)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,05	0,24			
106	Hồ Ea Pun (Hồ Ea Pul)	1394796	455661	Xã Ea Ktur	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Pun (Hồ Ea Pul)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,07	0,30			
107	Hồ Buôn Gà	1394622	455860	Xã Ea Ktur	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Buôn Gà	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,07	0,08			
108	Hồ Ea Tiêu 1	1393425	456080	Xã Ea Ktur	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Tiêu 1	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,10	0,12			
109	Hồ Ea Tiêu 2	1393310	454989	Xã Ea Ktur	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Tiêu 2	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,07	0,08			
110	Hồ Ea Ung	1392963	456671	Xã Ea Ktur	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Ung	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,21	0,27			
111	Hồ Đrao 2 (Buôn Phong)	1428720	463031	Xã Ea Tul	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Sông Đắk Hua	Tưới, sản xuất nông nghiệp	3,30	3,24			
112	Hồ Ea Nhuôi	1429862	461855	Xã Ea Tul	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Nhuôi	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,16	0,37			
113	Hồ Đrao 1 (Brah)	1428563	464832	Xã Ea Tul	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Sông Đắk Hua	Tưới, sản xuất	2,20	0,94			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
									nông nghiệp					
114	Hồ Đạt Hiếu	1430142	467602	Xã Ea Tul	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Đạt Hiếu	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,95	0,76			
115	Hồ Buôn Đinh	1427085	458953	Xã Ea Tul	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Buôn Đinh	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,13	0,14			
116	Hồ Buôn Rao 1	1426902	461586	Xã Ea Tul	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Suối Ea K'Lih	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,25	0,03			
117	Hồ Ea Mnang	1434647	460611	Xã Ea Tul	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Mnang	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,42	0,49			
118	Hồ Ea Khăm Thượng	1434006	463476	Xã Ea Tul	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Khăm Thượng	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,04	0,41			
119	Hồ Ea Khăm hạ	1432033	461046	Xã Ea Tul	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Khăm hạ	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,95	1,62			
120	Hồ Ea Khăm 2	1433551	462762	Xã Ea Tul	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Khăm 2	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,36	0,97			
121	Hồ Ea Tar 1	1434297	461828	Xã Ea Tul	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Tar 1	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,70	0,65			
122	Hồ Ea Khăm 3	1432579	461631	Xã Ea Tul	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Khăm 3	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,04	0,81			
123	Hồ Ea Tar 3	1433521	460303	Xã Ea Tul	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Tar 3	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,80	0,65			
124	Hồ Ea Tar 4	1432793	459687	Xã Ea Tul	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Tar 4	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,06	0,81			
125	Hồ Thủy điện Ea Tul 4	1415732	439968	Xã Ea Wer	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Sông Ea Tul	Phát điện				6.000	
126	Đập dâng Ea Dìng 2	1419875	449459	Xã Cư M'gar	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Đập dâng	Suối Ea K'Lih	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,34			
127	Đập dâng Ea Nung 1	1420109	452599	Xã Cư M'gar	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Đập dâng	Suối Ea K'Lih	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,54			
128	Hồ Ea Nung 2	1420124	452585	Xã Cư M'gar	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Nung 2	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,15	0,36			
129	Hồ Ea Trum	1409984	453939	Xã Quảng Phú	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Trum	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,30	0,17			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
130	Hồ Đội 2	1410985	453581	Xã Quảng Phú	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Đội 2	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,10	0,26			
131	Hồ Ea Ring	1411146	468392	Xã Cuôr Đăng	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Ring	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,55	0,56			
132	Hồ Ea M Kang	1411904	463821	Xã Cuôr Đăng	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea M Kang	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,46	0,38			
133	Hồ Ea Sút	1413520	459827	Xã Cuôr Đăng	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Sút	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,51	0,65			
134	Hồ Phú Xuân (thủy điện)	1413839	465603	Xã Cuôr Đăng	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Suối Ea D'Râng	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,60	0,24			
135	Hồ Ea Kruê	1415452	463123	Xã Cuôr Đăng	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Kruê	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,04	0,26			
136	Hồ Ea Nhuôl	1409739	459016	Xã Cuôr Đăng	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Nhuôl	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,34	0,55			
137	Hồ Buôn Tah 1	1413002	462576	Xã Cuôr Đăng	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Buôn Tah 1	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,10	0,53			
138	Hồ Ea Mdrang	1422936	448060	Xã Cư M'gar	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Mdrang	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,43	0,73			
139	Hồ Thôn 9	1429565	449759	Xã Ea Kiết	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Thôn 9	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,30	0,24			
140	Hồ Thôn 11	1430635	450119	Xã Ea Kiết	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Thôn 11	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,53	1,05			
141	Hồ Buôn Ya Wằm (Hồ Buôn Ma Wằm)	1432527	447147	Xã Ea Kiết	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Buôn Ya Wằm (Hồ Buôn Ma Wằm)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	1,20	1,07			
142	Hồ Buôn Joong	1420167	458961	Xã Cư M'gar	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Buôn Joong	Tưới, sản xuất nông nghiệp	17,30	15,27			
143	Hồ Thôn 7	1422788	453495	Xã Cư M'gar	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Thôn 7	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,26	0,05			
144	Hồ Ea Nung (Hồ Ea Knung)	1423705	454583	Xã Cư M'gar	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Nung (Hồ Ea Knung)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,10	0,82			
145	Hồ Ea Kpal	1425210	455849	Xã Cư M'gar	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Kpal	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,52	1,62			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
146	Hồ Ao cá Bác Hồ	1424357	454875	Xã Cư M'gar	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Suối Ea K'Lih	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,40	0,22			
147	Hồ Buôn Wing	1436855	452935	Xã Ea Kiết	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Sông Ea Kuê	Tưới, sản xuất nông nghiệp	1,15	2,25			
148	Hồ Buôn Jun 1	1437974	452930	Xã Ea Kiết	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Buôn Jun 1	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,07	1,18			
149	Hồ Buôn Thái	1436552	451540	Xã Ea Kiết	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Buôn Thái	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,21	1,23			
150	Hồ Ea Rêch	1424578	443430	Xã Ea M'Droh	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Rêch	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,45	1,03			
151	Hồ Buôn Kdoh	1433497	458184	Xã Ea Tul	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Buôn Kdoh	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,41	0,99			
152	Hồ Ea Hra 1 (Buôn Tría K'Măn)	1420715	464349	Xã Ea Tul	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Hra 1 (Buôn Tría K'Măn)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,10	0,81			
153	Hồ Ea Hra 2 (Buôn Tría 2)	1419882	464104	Xã Ea Tul	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Hra 2 (Buôn Tría 2)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,07	0,65			
154	Hồ Ea Yuê	1423580	460115	Xã Ea Tul	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Yuê	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,20	0,22			
155	Hồ Ea Tria (Ea Tra)	1424154	462420	Xã Ea Tul	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Tria (Ea Tra)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,25	0,69			
156	Hồ Buôn Nhung (Thung)	1422521	445242	Xã Ea M'Droh	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Buôn Nhung (Thung)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,21	0,58			
157	Đập dâng Ea Chua	1416329	455961	Xã Quảng Phú	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Đập dâng	Suối Ea D'Râng	Tưới, sản xuất nông nghiệp		1,75			
158	Hồ Buôn Lang 1	1412439	456614	Xã Quảng Phú	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Buôn Lang 1	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,53	0,46			
159	Đập dâng Buôn Pôk A	1416442	455407	Xã Quảng Phú	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Đập dâng	Sông Ea Tul	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,16			
160	Hồ Lô 2	1413182	456264	Xã Quảng Phú	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Lô 2	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,10	0,41			
161	Hồ 4A	1414517	456669	Xã Quảng Phú	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ 4A	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,19	1,09			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
162	Hồ 4B	1415276	456185	Xã Quảng Phú	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ 4B	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,05	0,45			
163	Hồ 4C	1415666	455790	Xã Quảng Phú	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ 4C	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,05	0,32			
164	Hồ Buôn Lang 2	1412775	455141	Xã Quảng Phú	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Buôn Lang 2	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,05	1,33			
165	Hồ Buôn Map A (Hồ Buôn Mập A)	1414426	455096	Xã Quảng Phú	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Buôn Map A (Hồ Buôn Mập A)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,60	0,49			
166	Hồ Buôn Sut (Hồ Buôn Sút)	1415028	458218	Xã Quảng Phú	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Suối Ea D'Râng	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,15	2,09			
167	Hồ Buôn Map B	1412611	453577	Xã Quảng Phú	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Buôn Map B	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,09	0,81			
168	Hồ Hà Dung	1459413	451535	Xã Ea Wý	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Hà Dung	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,41	0,87			
169	Hồ Ea Tìr	1451494	456358	Xã Ea Khăl	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Tìr	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,30	0,81			
170	Hồ Ea Wy	1461599	448233	Xã Ea Wý	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Wy	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,12	0,97			
171	Hồ Buôn Sek điêk	1455143	477536	Xã Ea Drăng	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Buôn Sek điêk	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,07	0,71			
172	Hồ Ea Rang	1462141	483788	Xã Ea Hiao	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Rang	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,21	1,26			
173	Hồ Ea Knóe	1458322	482500	Xã Ea Hiao	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Knóe	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,11	0,93			
174	Hồ Ea Hum	1460090	484355	Xã Ea Hiao	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Hum	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,05	2,00			
175	Hồ Ea Koa I	1455273	487092	Xã Ea Hiao	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Sông Ia Yao	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,54	2,84			
176	Hồ Ea Koa II	1455101	487988	Xã Ea Hiao	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Koa II	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,15	0,97			
177	Hồ khu C (Ea Kút)	1455516	485980	Xã Ea Hiao	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ khu C (Ea Kút)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,21	1,22			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
178	Hồ Ea Wy thượng	1457441	460305	Xã Ea Khăl	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Wy thượng	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,13	0,98			
179	Hồ Buôn Briêng A	1454226	467437	Xã Ea Khăl	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Buôn Briêng A	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,04	0,42			
180	Hồ Ea DRú I	1452144	468910	Xã Ea Khăl	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea DRú I	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,09	0,31			
181	Hồ Ea Druh (Ea Drú)	1452387	469879	Xã Ea Khăl	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Druh (Ea Drú)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,10	0,67			
182	Hồ Ea Khal 1	1452501	467036	Xã Ea Khăl	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Sông Ea Khal	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,21	1,10			
183	Hồ Ea Khal 2	1451989	465902	Xã Ea Khăl	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Sông Ea Khal	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,46	1,26			
184	Hồ Ea Ksung	1455181	465798	Xã Ea Khăl	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Ksung	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,13	0,84			
185	Hồ Buôn Briêng B	1453604	468743	Xã Ea Khăl	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Buôn Briêng B	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,17	0,68			
186	Hồ thủy điện Ea Súp 3	1443552	452228	Xã Ea Khăl	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Sông Ea Súp	Phát điện				6.400	
187	Hồ Ea Jun (Ea Iun)	1464225	480056	Xã Ea Hiao	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Jun (Ea Iun)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,17	0,16			
188	Hồ Ea Túk	1465286	479968	Xã Ea Hiao	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Túk	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,40	0,39			
189	Hồ Ea Uin	1464415	479877	Xã Ea Hiao	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Uin	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,14	0,02			
190	Hồ Ea Thu	1399166	510615	Xã Cư Yang	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Thu	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,18	0,41			
191	Hồ Lò Ô	1397174	516417	Xã Cư Yang	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Lò Ô	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,50	0,20			
192	Hồ Buôn Trung	1397743	511617	Xã Cư Yang	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Buôn Trung	Tưới, sản xuất nông nghiệp	1,04	0,59			
193	Hồ Ea Bót	1395790	512716	Xã Cư Yang	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Bót	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,27	0,30			
194	Trạm Bom 132	1398918	515540	Xã Cư Yang	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm	Sông Ea Krông	Tưới, sản xuất		1,02			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
							bơm	Pắc	nông nghiệp					
195	Hồ C11	1399982	514162	Xã Cư Yang	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ C11	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,60	0,14			
196	Hồ Ea Đông (Hồ Ea Drông)	1395752	500956	Xã Ea Ô	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Đông (Hồ Ea Drông)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,62	0,42			
197	Hồ Ea Dê	1393942	505919	Xã Ea Ô	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Dê	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,85	0,20			
198	Hồ Ea Tlit (Hồ Ea Tlir)	1394121	502626	Xã Ea Ô	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Tlit (Hồ Ea Tlir)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,41	0,32			
199	Hồ Ea Bư	1418982	490453	Xã Ea Kar	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Bư	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,57	0,20			
200	Hồ Ea Ngao	1403772	512727	Xã Cư Yang	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Ngao	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,49	0,29			
201	Hồ Thôn 11-13	1400812	518053	Xã Cư Yang	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Thôn 11-13	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,15	0,26			
202	Hồ Ea Dui (Hồ Ea Drui)	1403940	516634	Xã Cư Yang	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Dui (Hồ Ea Drui)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,10	0,38			
203	Hồ Ea Khua	1403277	514724	Xã Cư Yang	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Khua	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,51	0,03			
204	Hồ Ea Ô thượng	1410555	500211	Xã Ea Kar	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Ô thượng	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,16	0,31			
205	Trạm bơm thôn 23	1408480	499900	Xã Ea Kar	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm bơm	Sông Ea Krông Pắc	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,15			
206	Hồ Đội 7 (C7)	1414270	497485	Xã Ea Kar	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Đội 7 (C7)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,58	1,31			
207	Hồ Đội 9 (C9)	1413814	497571	Xã Ea Kar	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Đội 9 (C9)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,43	1,15			
208	Hồ Ea Grap	1406663	513350	Xã Ea Păl	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Grap	Tưới, sản xuất nông nghiệp	1,27	0,43			
209	Hồ Thôn 16	1408172	511658	Xã Ea Păl	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Thôn 16	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,25	0,20			
210	Hồ Thôn 10	1411023	515587	Xã Ea Păl	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Thôn 10	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,15	0,07			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
211	Hồ Thôn 11	1410609	517631	Xã Ea Păl	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Thôn 11	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,29	0,09			
212	Hồ Buôn M' Um	1408939	518347	Xã Ea Păl	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Buôn M' Um	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,20	0,07			
213	Hồ Đội 8E	1413707	499399	Xã Ea Kar	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Đội 8E	Tưới, sản xuất nông nghiệp	1,82	1,08			
214	Hồ Ea Ô	1415940	497802	Xã Ea Kar	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Ô	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,30	0,44			
215	Hồ C11 (Đội 11)	1406513	497057	Xã Ea Kar	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ C11 (Đội 11)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,60	1,42			
216	Trạm bơm Điện Biên	1409037	498298	Xã Ea Kar	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm bơm	Sông Ea Krông Păk	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,24			
217	Trạm bơm Thôn 3	1410460	497002	Xã Ea Kar	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm bơm	Sông Ea Kar	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,17			
218	Hồ Đội 2	1405580	497560	Xã Ea Ô	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Đội 2	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,34	0,97			
219	Hồ Đội 10 (C10)	1403846	495610	Xã Ea Ô	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Đội 10 (C10)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,65	0,33			
220	Hồ Ea Ô Hạ	1406618	498540	Xã Ea Kar	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Ô Hạ	Tưới, sản xuất nông nghiệp	2,50	0,70			
221	Trạm bơm Thôn 7a	1403780	498234	Xã Ea Ô	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm bơm	Sông Ea Krông Păk	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,31			
222	Trạm bơm Thôn 7b	1404117	500143	Xã Ea Ô	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm bơm	Sông Ea Krông Păk	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,19			
223	Trạm bơm hồ C2	1405575	497550	Xã Ea Ô	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm bơm	Sông Ea Krông Păk	Tưới, sản xuất nông nghiệp		3,47			
224	Trạm bơm Khu A	1404308	499739	Xã Ea Ô	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm bơm	Sông Ea Krông Păk	Tưới, sản xuất nông nghiệp		3,47			
225	Trạm bơm Khu C	1404919	497475	Xã Ea Ô	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm bơm	Sông Ea Krông Păk	Tưới, sản xuất nông nghiệp		2,78			
226	Trạm bơm khu D	1403051	508353	Xã Ea Păl	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm bơm	Sông Ea Krông Păk	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,64			
227	Hồ Trại Bò	1426541	503847	Xã Ea Knốp	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Trại Bò	Tưới, sản xuất	0,15	0,81			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
									nông nghiệp					
228	Hồ Ea Týh	1416772	507432	Xã Ea Knốp	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Týh	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,12	0,11			
229	Hồ Buôn Ea Knốp	1416814	507411	Xã Ea Knốp	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Buôn Ea Knốp	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,15	0,02			
230	Hồ Ea Kar	1415053	494321	Xã Ea Kar	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Kar	Tưới, sản xuất nông nghiệp	8,24	5,60			
231	Hồ Ea Kar thượng	1419496	491523	Xã Ea Kar	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Kar thượng	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,28	0,41			
232	Hồ Ea Kdruôl	1419361	493431	Xã Ea Kar	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Kdruôl	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,26	0,20			
233	Hồ Ea Knốp	1414772	503751	Xã Ea Knốp	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Knốp	Tưới, sản xuất nông nghiệp	11,00	3,24			
234	Hồ Thôn 7	1412748	504645	Xã Ea Knốp	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Thôn 7	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,42	0,49			
235	Hồ Đội 1 (Trại giống điều)	1414911	504143	Xã Ea Knốp	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Đội 1 (Trại giống điều)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,05	0,12			
236	Hồ Đội 2 (Trại giống điều)	1406602	497043	Xã Ea Knốp	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Đội 2 (Trại giống điều)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,03	0,00			
237	Hồ Đội 4 a	1415437	504573	Xã Ea Knốp	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Đội 4 a	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,20	0,38			
238	Hồ Đội 4 (Xuân phú 1)	1421198	492216	Xã Ea Kar	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Đội 4 (Xuân phú 1)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,20	0,20			
239	Hồ Thôn 7	1421373	493051	Xã Ea Kar	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Thôn 7	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,09	0,05			
240	Hồ Ea Súp thượng	1442325	438320	Xã Ea Súp	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Súp thượng	Tưới, sản xuất nông nghiệp	146,94	31,39			
241	Hồ Ea Súp hạ	1445016	433756	Xã Ea Súp	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Sông Ea Súp	Tưới, sản xuất nông nghiệp	9,25	31,39			
242	Hồ đội 3	1476628	414173	Xã Ia Lốp	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ đội 3	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,41	0,07			
243	Hồ đội 6	1471890	412560	Xã Ia Lốp	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ đội 6	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,58	0,36			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
244	Hồ đội 4	1460735	404280	Xã Ia Rvê	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ đội 4	Tưới, sản xuất nông nghiệp	5,35	0,37			
245	Hồ đội 10	1465433	411365	Xã Ia Rvê	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ đội 10	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,80	0,23			
246	Hồ Ya Jloi (Hồ Ya Chlơi)	1470682	432474	Xã Ea Rôk	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ya Jloi (Hồ Ya Chlơi)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	1,92	0,64			
247	Hồ Sâm Lăng	1381865	458712	Xã Dur Kmăl	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Suối Ea M'Uê	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,14	1,74			
248	Hồ Sâm Lăng 1	1382878	458525	Xã Dur Kmăl	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Suối Ea M'Uê	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,23	0,53			
249	Hồ Ea Bông 1	1387194	456109	Xã Ea Na	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Bông 1	Tưới, sản xuất nông nghiệp	4,70	3,03			
250	Hồ Ea Bông 2	1386489	456453	Xã Ea Na	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Bông 2	Tưới, sản xuất nông nghiệp	2,76	3,03			
251	Đập dâng Trấp Play (Đập dâng Trấp Plei)	1382914	518976	Xã Yang Mao	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Đập dâng	Sông Ea Krông Tut	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,36			
252	Hồ Ea Knao	1379162	505406	Xã Yang Mao	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Knao	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,27	0,12			
253	Hồ Cư Păm	1391082	483351	Xã Dang Kang	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Cư Păm	Tưới, sản xuất nông nghiệp	2,00	1,26			
254	Đập dâng Ea Plei (Đập dâng Ea Play)	1380984	499471	Xã Cư Pui	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Đập dâng	Suối Ea K'Tour	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,20			
255	Hồ Ea Hmun	1382368	501473	Xã Cư Pui	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Hmun	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,16	0,29			
256	Hồ Buôn Khóa	1381375	503422	Xã Cư Pui	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Buôn Khóa	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,17	0,08			
257	Hồ Dang Kang hạ	1392911	481097	Xã Dang Kang	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Dang Kang hạ	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,37	0,30			
258	Hồ Dang Kang thượng	1394000	481214	Xã Dang Kang	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Dang Kang thượng	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,37	0,20			
259	Hồ An Ninh	1384256	485771	Xã Krông Bông	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ An Ninh	Tưới, sản xuất	0,60	0,39			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
									nông nghiệp					
260	Đập dâng Đông Duy Lễ	1384291	491065	Xã Krông Bông	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Đập dâng	Suối Ea K'Tour	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,22			
261	Hồ Hố Kè	1384760	488410	Xã Krông Bông	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Hố Kè	Tưới, sản xuất nông nghiệp	1,61	0,53			
262	Trạm bơm Buôn Tiêr	1388194	496685	Xã Cư Pui	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm bơm	Sông Ea Krông Bông	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,45			
263	Đập dâng Sơn Phong	1383491	494192	Xã Cư Pui	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Đập dâng	Suối Ea K'Tour	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,22			
264	Đập dâng Edruôi (Đập dâng Ea Druôi)	1385558	493182	Xã Cư Pui	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Đập dâng	Suối Ea K'Tour	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,12			
265	Hồ 19/5 (Hòa Thành)	1390104	477884	Xã Dang Kang	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Sông Ea Dray	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,47	0,32			
266	Đập dâng Krông Kmar	1380585	482513	Xã Krông Bông	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Đập dâng	Sông Ea Krông K'mar	Tưới, sản xuất nông nghiệp		5,35			
267	Đập dâng Ea Mhát	1376434	504726	Xã Yang Mao	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Đập dâng	Sông Ea Krông Bông	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,12			
268	Đập dâng Ea Khar	1374938	507996	Xã Yang Mao	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Đập dâng	Suối Ea Ka	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,30			
269	Hồ Ea Tar	1376489	507039	Xã Yang Mao	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Tar	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,26	0,06			
270	Hồ Ea Mlung	1439696	466805	Xã Krông Búk	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Mlung	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,29	2,03			
271	Hồ Ea Gin (Suối Ea Gin)	1451023	465997	Xã Krông Búk	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Gin (Suối Ea Gin)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,40	1,49			
272	Hồ Buôn Rừng diếc	1437474	461609	Xã Cư Pong	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Buôn Rừng diếc	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,27	1,80			
273	Hồ Ea Kah	1442665	461729	Xã Cư Pong	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Kah	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,09	0,41			
274	Đập dâng Ea Clook	1440835	460205	Xã Cư Pong	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	đập dâng	Sông Ea Súp	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,61			
275	Hồ Ea Nhung	1440295	458290	Xã Cư Pong	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Nhung	Tưới, sản xuất	0,14	0,41			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	Tiêng							Tiêng	nông nghiệp					
276	Hồ Krông Ana	1440926	457001	Xã Cư Pong	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Krông Ana	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,20	1,36			
277	Hồ Ea Bơ I	1442060	464071	Xã Cư Pong	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Bơ I	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,56	1,37			
278	Hồ Ea Bơ II (V. chuối)	1443669	463411	Xã Cư Pong	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Bơ II (V. chuối)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,48	1,51			
279	Hồ Ea Bơ III	1442216	465352	Xã Cư Pong	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Bơ III	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,10	1,08			
280	Hồ Ea Liăng	1438342	461507	Xã Cư Pong	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Liăng	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,05	0,27			
281	Hồ Ea Tuk	1436224	463837	Xã Cư Pong	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Tuk	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,68	2,19			
282	Hồ Ea Drenh	1438300	463809	Xã Cư Pong	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Drenh	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,38	2,35			
283	Hồ Ea Mur	1442214	458598	Xã Cư Pong	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Mur	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,11	0,24			
284	Hồ Cư Pong	1444468	458593	Xã Cư Pong	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Cư Pong	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,75	0,48			
285	Hồ Ea Kueh	1436022	459001	Xã Cư Pong	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Kueh	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,19	0,65			
286	Hồ Ea Ngai	1435010	465545	Xã Pong Drang	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Ngai	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,17	0,84			
287	Hồ Thôn 1	1433287	464421	Xã Pong Drang	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Thôn 1	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,33	0,67			
288	Hồ Đạt Hiếu	1432082	469172	Xã Pong Drang	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Đạt Hiếu	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,17	0,65			
289	Hồ Ea Kiar	1449113	465899	Xã Cư Pong	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Kiar	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,35	1,16			
290	Hồ Ea Kring	1446231	463876	Xã Cư Pong	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Kring	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,26	1,44			
291	Hồ Ea Kap	1447815	464836	Xã Cư Pong	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Kap	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,22	1,03			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
292	Hồ Ea Gir	1446575	462467	Xã Cư Pong	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Gir	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,07	0,73			
293	Hồ Vườn Ươm	1433335	471307	Xã Pong Drang	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Vườn Ươm	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,25	1,31			
294	Hồ Ea Mút	1430302	477625	Xã Pong Drang	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Mút	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,23	0,83			
295	Hồ lô 60	1445498	496569	Xã Tam Giang	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ lô 60	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,08	0,20			
296	Đập dâng Ea Pir hạ	1444607	494706	Xã Tam Giang	Đắk Lắk	Sông Ba	Đập dâng	Suối Ea Pu Ich	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,25			
297	Hồ Ea Ngao	1444051	490851	Xã Tam Giang	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Ngao	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,38	0,86			
298	Hồ Tam Khánh	1445702	493640	Xã Tam Giang	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Tam Khánh	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,19	0,60			
299	Hồ lô 31	1451780	487169	Xã Dliê Ya	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ lô 31	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,02	0,23			
300	Hồ Ea Kút	1454946	488088	Xã Dliê Ya	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Kút	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,50	1,23			
301	Hồ.Ea Kné	1453618	487923	Xã Dliê Ya	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ.Ea Kné	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,32	0,69			
302	Hồ Ea Tók (Dong Xuân)	1430268	492798	Xã Phú Xuân	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Tók (Dong Xuân)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,09	0,88			
303	Hồ Ea Drông	1430271	480157	Xã Krông Năng	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Drông	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,15	0,55			
304	Hồ Cây Đa	1435129	494733	Xã Phú Xuân	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Cây Đa	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,23	0,62			
305	Hồ Ea Buih	1434708	492278	Xã Phú Xuân	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Buih	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,06	0,53			
306	Hồ Ea Dril II	1437281	493154	Xã Phú Xuân	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Dril II	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,07	1,00			
307	Đập dâng Tam Lục	1440935	494169	Xã Tam Giang	Đắk Lắk	Sông Ba	Đập dâng	Suối Ea Pu Ich	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,36			
308	Hồ Ea Dril I (Hồ	1441777	492379	Xã Tam Giang	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Dril I (Hồ	Tưới, sản xuất	0,22	0,69			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	Ea Drin 1)							Ea Drin 1)	nông nghiệp					
309	Hồ Ea Tam	1439325	491114	Xã Tam Giang	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Tam	Tưới, sản xuất nông nghiệp	1,13	0,30			
310	Hồ Tam Lập	1442379	491506	Xã Tam Giang	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Tam Lập	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,08	0,35			
311	Hồ Buôn Trấp	1443081	492711	Xã Tam Giang	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Buôn Trấp	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,17	0,22			
312	Hồ Cư Drông	1453193	480541	Xã Dliê Ya	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Cư Drông	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,16	1,07			
313	Hồ Đội 18	1422257	489578	Xã Phú Xuân	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Đội 18	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,18	0,89			
314	Hồ C3	1423647	487377	Xã Phú Xuân	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ C3	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,13	0,16			
315	Hồ Đội 14	1422933	488624	Xã Phú Xuân	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Đội 14	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,15	0,22			
316	Hồ Ea Bru 1	1424501	486048	Xã Phú Xuân	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Bru 1	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,13	0,41			
317	Hồ Ea Bru 2	1424798	486830	Xã Phú Xuân	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Bru 2	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,17	1,05			
318	Hồ Ea Drông 1 (Hữu Nghị)	1426073	486330	Xã Phú Xuân	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Sông Ea In	Tưới, sản xuất nông nghiệp	1,20	1,08			
319	Hồ Ea Drông 2 (C16)	1425717	489194	Xã Phú Xuân	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Drông 2 (C16)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,32	0,41			
320	Hồ Ea Kar (Đội 1)	1422206	488277	Xã Phú Xuân	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Kar (Đội 1)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,18	0,32			
321	Hồ Ea Kmiên 1	1423941	487496	Xã Phú Xuân	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Kmiên 1	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,12	0,18			
322	Hồ Ea Kmiên 2	1424042	488508	Xã Phú Xuân	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Kmiên 2	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,16	0,73			
323	Hồ Ea Kmiên 3	1424069	489333	Xã Phú Xuân	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Kmiên 3	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,21	0,41			
324	Hồ Ea Kung 1	1422072	486339	Xã Phú Xuân	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Kung 1	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,20	0,32			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
325	Hồ Ea Kung 2	1422831	486296	Xã Phú Xuân	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Kung 2	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,36	0,24			
326	Hồ Giang Xuân	1431402	495006	Xã Phú Xuân	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Giang Xuân	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,18	0,96			
327	Hồ Ea Đah	1435891	490051	Xã Tam Giang	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Đah	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,78	1,02			
328	Hồ Ea Đah 2	1434003	490635	Xã Tam Giang	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Đah 2	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,15	0,17			
329	Hồ Ea Mlung	1432685	490020	Xã Tam Giang	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Mlung	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,29	0,67			
330	Hồ Ea Til	1434639	489924	Xã Tam Giang	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Til	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,27	0,30			
331	Hồ Tam Giang 1	1436505	488004	Xã Tam Giang	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Tam Giang 1	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,10	0,14			
332	Hồ Tam Điền	1441776	493811	Xã Tam Giang	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Tam Điền	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,14	0,06			
333	Hồ 87	1404303	471037	Xã Ea Knuéc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ 87	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,30	0,02			
334	Hồ 90	1405045	471207	Xã Ea Knuéc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ 90	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,25	0,23			
335	Hồ 1-5 I	1404398	472187	Xã Ea Knuéc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ 1-5 I	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,10	0,22			
336	Hồ 1-5 II (Sinh Mía)	1404071	472380	Xã Ea Knuéc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ 1-5 II (Sinh Mía)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,12	0,20			
337	Hồ 1-5 III (Ful Rô)	1403796	473073	Xã Ea Knuéc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Sông Ea Uy	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,14	0,05			
338	Hồ Phước Lợi	1407347	473002	Xã Ea Knuéc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Phước Lợi	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,18	0,08			
339	Hồ Phước Mỹ I	1406381	472613	Xã Ea Knuéc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Phước Mỹ I	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,10	0,07			
340	Hồ Phước Mỹ II	1405563	472115	Xã Ea Knuéc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Phước Mỹ II	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,55	0,20			
341	Hồ Quyết Thắng	1408915	473546	Xã Ea Knuéc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Quyết Thắng	Tưới, sản xuất	0,18	0,07			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
									nông nghiệp					
342	Hồ 83	1404792	471155	Xã Ea Knuéc	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Hồ 83	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,16	0,21			
343	Hồ Cầu 22	1406588	471424	Xã Ea Knuéc	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Hồ Cầu 22	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,08	0,08			
344	Hồ Ea Tir (Buôn Póc)	1409641	471343	Xã Ea Knuéc	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Hồ Ea Tir (Buôn Póc)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,53	0,75			
345	Hồ Ea Kmur	1406908	470847	Xã Ea Knuéc	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Hồ Ea Kmur	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,03	0,13			
346	Hồ Đội 9 (C9)	1409250	493905	Xã Ea Kly	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Hồ Đội 9 (C9)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	3,18	3,36			
347	Hồ A1 (Đội 1)	1410404	469660	Xã Ea Kly	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Sông Ea Kar	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,42	1,49			
348	Hồ A2	1410674	491131	Xã Ea Kly	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Hồ A2	Tưới, sản xuất nông nghiệp	1,53	0,92			
349	Hồ Buôn Krai B	1413052	489963	Xã Ea Kly	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Hồ Buôn Krai B	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,06	1,56			
350	Hồ Công ty 53 I	1397594	470585	Xã Ea Knuéc	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Sông Ea Knuéc	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,42	0,20			
351	Hồ Công ty 53 II	1398632	469094	Xã Ea Knuéc	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Sông Ea Enon	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,30	0,05			
352	Hồ Công ty 53 III	1398607	469110	Xã Ea Knuéc	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Hồ Công ty 53 III	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,30	0,04			
353	Hồ Buôn Riêng	1406265	467606	Xã Ea Knuéc	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Sông Ea Enon	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,20	0,03			
354	Hồ Hàn Kỳ	1404934	467822	Xã Ea Knuéc	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Hồ Hàn Kỳ	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,15	0,10			
355	Hồ Buôn Riêng A	1407358	467413	Xã Ea Knuéc	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Hồ Buôn Riêng A	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,31	0,50			
356	Hồ Buôn Kang I	1403709	467632	Xã Ea Knuéc	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Sông Ea Enon	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,25	0,03			
357	Hồ Buôn Pu Huch	1403322	468103	Xã Ea Knuéc	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Sông Ea Enon	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,99	0,28			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
358	Hồ Tổ Hoa	1405014	469523	Xã Ea Knuéc	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Hồ Tổ Hoa	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,21	0,21			
359	Hồ Thôn 7	1413250	479766	Xã Ea Phê	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Hồ Thôn 7	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,64	0,32			
360	Hồ Buôn Hăng IB	1395628	484549	Xã Tân Tiến	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Hồ Buôn Hăng IB	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,28	0,20			
361	Hồ Buôn Hăng IC	1394614	485000	Xã Tân Tiến	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Hồ Buôn Hăng IC	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,33	0,06			
362	Trạm bơm Thôn 14	1398206	490525	Xã Tân Tiến	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Trạm bơm	Sông Ea Krông Pắc	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,42			
363	Hồ Ea Yiêng	1393626	486648	Xã Tân Tiến	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Hồ Ea Yiêng	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,91	0,24			
364	Hồ Ea Kuăng	1409456	474462	Xã Krông Pắc	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Sông Ea Kuăng	Tưới, sản xuất nông nghiệp	3,97	6,04			
365	Hồ Quận 10/1	1408790	476222	Xã Krông Pắc	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Sông Ea Kuăng	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,24	0,07			
366	Hồ Buôn Dung I (suối bèo)	1404782	475568	Xã Krông Pắc	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Hồ Buôn Dung I (suối bèo)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,12	0,48			
367	Hồ Buôn Dung II	1400931	474123	Xã Krông Pắc	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Hồ Buôn Dung II	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,65	0,14			
368	Hồ Ông Thọ	1402769	475125	Xã Krông Pắc	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Hồ Ông Thọ	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,10	0,10			
369	Hồ Quận 10/2	1408379	476746	Xã Krông Pắc	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Sông Ea Kuăng	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,20	0,22			
370	Hồ Suối khi II	1405008	474233	Xã Krông Pắc	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Hồ Suối khi II	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,12	0,07			
371	Hồ Suối khi III	1404697	474609	Xã Krông Pắc	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Hồ Suối khi III	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,13	0,05			
372	Hồ Suối Khi I	1405339	473655	Xã Krông Pắc	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Hồ Suối Khi I	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,07	0,05			
373	Hồ Giữa Buôn	1403538	478163	Xã Krông Pắc	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Hồ Giữa Buôn	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,11	0,02			
374	Hồ Bằng Dâu	1403393	477629	Xã Krông Pắc	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Hồ Bằng Dâu	Tưới, sản xuất	0,03	0,08			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
									nông nghiệp					
375	Hồ Ea Kênh	1402678	477580	Xã Krông Pắc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Kênh	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,03	0,10			
376	Hồ Phước Thành	1404619	474788	Xã Krông Pắc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Phước Thành	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,23	0,06			
377	Hồ Chăn nuôi _ Ô Đầy	1402782	474362	Xã Krông Pắc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Sông Ea Uy	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,12	0,20			
378	Hồ Suối 2 (Ông Chương)	1404122	474581	Xã Krông Pắc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Suối 2 (Ông Chương)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,10	0,09			
379	Hồ Suối 2 (Ông Ngo)	1404058	474173	Xã Krông Pắc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Suối 2 (Ông Ngo)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,05	0,07			
380	Hồ Sinh 32	1402234	472884	Xã Krông Pắc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Sinh 32	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,41	0,08			
381	Hồ Phước An 1 (Ao cá Bắc Hồ)	1402383	475487	Xã Krông Pắc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Phước An 1 (Ao cá Bắc Hồ)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,07	0,07			
382	Hồ Ea Hiu	1407996	480862	Xã Krông Pắc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Hiu	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,09	0,05			
383	Hồ Thôn 6B	1406817	481070	Xã Krông Pắc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Thôn 6B	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,21	0,20			
384	Hồ Sinh Trầu (HTX I)	1403890	482054	Xã Krông Pắc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Phụ lưu số 2-Sông Ea Uy	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,22	0,20			
385	Trạm bơm TN4	1405350	482476	Xã Krông Pắc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm bơm	Sông Ea Kuăng	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,25			
386	Hồ Đội I	1403366	459958	Xã Ea Knuéc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Đội I	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,07	0,08			
387	Hồ 19/5 (Đập 1)	1401873	467310	Xã Ea Knuéc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ 19/5 (Đập 1)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,09	0,20			
388	Hồ Tân Hòa II (Ea Hnin)	1401404	467157	Xã Ea Knuéc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Tân Hòa II (Ea Hnin)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,30	0,10			
389	Hồ Chu Ta Ra	1404142	462041	Xã Ea Knuéc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Chu Ta Ra	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,20	0,10			
390	Hồ Cạn Thôn Quyết Thắng	1406206	467573	Xã Ea Knuéc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Cạn Thôn Quyết Thắng	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,04	0,04			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
391	Hồ Ea Uy (Hồ Ea Wì)	1402214	479714	Xã Krông Pắc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Sông Ea Uy	Tưới, sản xuất nông nghiệp	4,00	2,29			
392	Hồ K47	1413761	489809	Xã Ea Kly	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ K47	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,41	0,03			
393	Hồ K49	1415291	491053	Xã Ea Kly	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ K49	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,10	0,02			
394	Hồ Ea Oh (B Mbê)	1413796	487686	Xã Ea Kly	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Oh (B Mbê)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,28	0,25			
395	Hồ cạn C6	1414411	487445	Xã Ea Kly	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ cạn C6	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,40	1,49			
396	Hồ Ea Dray	1397745	477530	Xã Tân Tiến	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Dray	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,22	1,12			
397	Hồ Ea Dray 2	1398774	478902	Xã Tân Tiến	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Dray 2	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,21	1,21			
398	Hồ 3 tháng 2 (7 ha)	1406942	478788	Xã Krông Pắc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ 3 tháng 2 (7 ha)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,30	0,28			
399	Hồ 31	1406208	479855	Xã Krông Pắc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ 31	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,28	0,21			
400	Hồ Sinh Tre	1407237	478097	Xã Krông Pắc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Sinh Tre	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,05	0,20			
401	Hồ Tân An	1405824	478988	Xã Krông Pắc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Tân An	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,30	3,24			
402	Hồ Rừng Già	1407083	478879	Xã Krông Pắc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Rừng Già	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,08	0,10			
403	Hồ Giếng Xối	1405432	480575	Xã Krông Pắc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Giếng Xối	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,09	0,07			
404	Hồ Vụ Bồn	1400055	494888	Xã Vụ Bồn	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Vụ Bồn	Tưới, sản xuất nông nghiệp	5,04	0,40			
405	Hồ Ea Nong	1391698	493621	Xã Vụ Bồn	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Nong	Tưới, sản xuất nông nghiệp	1,29	0,44			
406	Hồ Suối 2	1395351	496674	Xã Vụ Bồn	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Suối 2	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,91	0,07			
407	Hồ Thôn 5	1402424	493832	Xã Vụ Bồn	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Thôn 5	Tưới, sản xuất	0,12	0,07			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
									nông nghiệp					
408	Trạm bơm Tân Quý	1400088	493127	Xã Vự Bồn	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Trạm bơm	Sông Ea Krông Pắc	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,40			
409	Trạm bơm Thôn 6+7	1388468	490553	Xã Vự Bồn	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Trạm bơm	Suối Ea K'Tour	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,33			
410	Đập dâng buôn Tiêu (Đập dâng Buôn Diêu)	1373027	471370	Xã Liên Sơn Lắc	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Đập dâng	Suối Bồng Krang	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,12			
411	Đập dâng Đắk Păl (Đập dâng Dak Păl)	1371690	468585	Xã Liên Sơn Lắc	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Đập dâng	Suối Bồng Krang	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,25			
412	Hồ Măng Kiun	1369610	468365	Xã Liên Sơn Lắc	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Hồ Măng Kiun	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,05	0,08			
413	Hồ Đắk Ju (Hồ Đắk Yu)	1370964	469711	Xã Liên Sơn Lắc	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Hồ Đắk Ju (Hồ Đắk Yu)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,06	0,11			
414	Hồ Tây Nhông	1372064	470750	Xã Liên Sơn Lắc	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Hồ Tây Nhông	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,10	0,26			
415	Hồ Đắk Buk	1374566	471719	Xã Liên Sơn Lắc	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Hồ Đắk Buk	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,03	0,01			
416	Hồ Buôn Tría	1369921	458611	Xã Đắk Liêng	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Hồ Buôn Tría	Tưới, sản xuất nông nghiệp	5,00	2,01			
417	Đập dâng Đông Giang 2	1371429	456479	Xã Đắk Liêng	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Đập dâng	Sông Eo Lông Dìng	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,14			
418	Hồ Buôn Triết	1368267	453838	Xã Đắk Liêng	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Sông Eo Lông Dìng	Tưới, sản xuất nông nghiệp	20,87	5,14			
419	Hồ Khe Môn (B Tung 1)	1370485	445069	Xã Đắk Liêng	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Hồ Khe Môn (B Tung 1)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,09	0,12			
420	Hồ Buôn Tung 3	1370454	449199	Xã Đắk Liêng	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Hồ Buôn Tung 3	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,48	0,27			
421	Hồ buôn Ja Tu 1 (Hồ Jatu)	1369522	454882	Xã Đắk Liêng	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Hồ chứa	Hồ buôn Ja Tu 1 (Hồ Jatu)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,32	0,12			
422	Đập dâng Buôn Tor	1368909	461973	Xã Đắk Liêng	Đắk Lắk	Sông Srêpók	Đập dâng	Suối Đắk Phoi	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,20			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
423	Đập dâng Đắk Liêng	1373089	462372	Xã Đắk Liêng	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Đập dâng	Suối Đắk Pa	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,71			
424	Đập dâng Yang Lah	1372076	463465	Xã Đắk Liêng	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Đập dâng	Suối Đắk Liêng	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,49			
425	Đập dâng Hòa Bình	1371647	461973	Xã Đắk Liêng	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Đập dâng	Suối Đắk Phoi	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,66			
426	Đập dâng Yên Thành	1368179	461625	Xã Đắk Phoi	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Đập dâng	Suối Đắk Phoi	Tưới, sản xuất nông nghiệp		1,08			
427	Đập dâng Liêng Ông	1366380	464810	Xã Đắk Phoi	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Đập dâng	Suối Đắk Phoi	Tưới, sản xuất nông nghiệp		1,10			
428	Hồ Buôn Đung	1365292	470064	Xã Đắk Phoi	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Suối Đắk Liêng	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,08	0,02			
429	Hồ Buôn Tlông	1366778	468268	Xã Đắk Phoi	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Buôn Tlông	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,33	0,29			
430	Hồ Đắk Blu	1367088	464828	Xã Đắk Phoi	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Đắk Blu	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,29	1,00			
431	Hồ Buôn Lak Dong (Hồ Buôn Lăk Dong)	1351376	461090	Xã Krông Nô	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Buôn Lak Dong (Hồ Buôn Lăk Dong)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,80	1,38			
432	Hồ Đắk Diêng Krai	1350076	464568	Xã Krông Nô	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Đắk Diêng Krai	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,12	0,01			
433	Hồ Hóc Môn	1370422	466884	Xã Liên Sơn Lăk	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Hóc Môn	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,06	0,21			
434	Trạm bơm Dong Kriêng	1372256	466060	Xã Liên Sơn Lăk	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm bơm	Hồ Lăk	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,39			
435	Hồ Liên Sơn	1371145	466492	Xã Liên Sơn Lăk	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Liên Sơn	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,04	0,10			
436	Đập dâng buôn Biép (Thác Bim Bíp)	1375027	473502	Xã Liên Sơn Lăk	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Đập dâng	Suối Đắk Pa	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,38			
437	Đập dâng La Tang Poh (Đập dâng La Tăng Pô)	1373957	468260	Xã Liên Sơn Lăk	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Đập dâng	Suối Đắk Pa	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,38			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
438	Trạm bơm Buôn Chua	1374447	467378	Xã Liên Sơn Lắc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm bơm	Suối Đắk Pa	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,49			
439	Hồ Cự Króa 1	1405198	531466	Xã Cự M'ta	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Cự Króa 1	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,05	0,02			
440	Hồ Cự Króa 2	1405907	532202	Xã Cự M'ta	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Cự Króa 2	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,20	0,01			
441	Hồ buôn Ấk	1405198	531418	Xã Cự M'ta	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ buôn Ấk	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,50	0,10			
442	Hồ Ea Má	1407281	526925	Xã Cự M'ta	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Má	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,20	0,07			
443	Hồ Krông Jing	1408454	527293	Xã Cự M'ta	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Krông Jing	Tưới, sản xuất nông nghiệp	1,20	0,42			
444	Hồ Ea Tung Xây	1406156	528285	Xã Cự M'ta	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Tung Xây	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,13	0,03			
445	Hồ Ea Ksung thượng	1408791	527678	Xã Cự M'ta	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Ksung thượng	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,06	0,05			
446	Hồ Ea Kô	1416531	527314	Xã M'Drăk	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Kô	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,25	0,45			
447	Hồ Thôn 3	1415689	525101	Xã M'Drăk	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Thôn 3	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,06	0,52			
448	Hồ Đội 7	1415223	544601	Xã Ea Riêng	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Đội 7	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,41	0,01			
449	Hồ Ea M'đoan	1412330	540642	Xã Ea Riêng	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea M'đoan	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,61	0,27			
450	Hồ Đội 5	1411042	541144	Xã Ea Riêng	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Đội 5	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,12	0,21			
451	Hồ Đội 6	1410931	542224	Xã Ea Riêng	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Đội 6	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,14	0,05			
452	Hồ Đội 3	1412544	540104	Xã Ea Riêng	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Sông Ea Mdoal	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,20	0,10			
453	Hồ Đội 5 (Thôn 7)	1418847	532595	Xã Ea Riêng	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Đội 5 (Thôn 7)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,03	0,20			
454	Hồ Đội 5 (Cựu)	1419019	532692	Xã Ea Riêng	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Đội 5 (Cựu)	Tưới, sản xuất	0,30	0,12			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	chiến binh)							chiến binh)	nông nghiệp					
455	Hồ Đội 4	1417359	533705	Xã Ea Riêng	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Đội 4	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,16	1,25			
456	Hồ Đội 5 (Khe cạn)	1418301	532753	Xã Ea Riêng	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Đội 5 (Khe cạn)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,10	0,24			
457	Hồ Đội 5 (Thôn 8)	1419543	532301	Xã Ea Riêng	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Đội 5 (Thôn 8)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,10	0,24			
458	Hồ Thôn 6	1416827	533097	Xã Ea Riêng	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Thôn 6	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,11	0,33			
459	Hồ Đội 36	1413744	532867	Xã Ea Riêng	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Đội 36	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,41	1,65			
460	Hồ Đội 3	1411738	533306	Xã Ea Riêng	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Đội 3	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,20	0,08			
461	Hồ Đội 32 (725)	1411336	532207	Xã Ea Riêng	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Đội 32 (725)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,22	0,76			
462	Hồ C19 (Cao Kỳ)	1411825	533248	Xã Ea Riêng	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ C19 (Cao Kỳ)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,38	1,56			
463	Hồ Đội 2 (Đội 23 cũ)	1412779	530180	Xã Ea Riêng	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Đội 2 (Đội 23 cũ)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,65	0,97			
464	Hồ Đội 6 (Đội 9 cũ)	1414090	530740	Xã Ea Riêng	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Đội 6 (Đội 9 cũ)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,14	0,24			
465	Hồ Đội 1 (Điện)	1413355	527455	Xã Ea Riêng	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Đội 1 (Điện)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,15	0,57			
466	Hồ Đội 1 (Kháng)	1415492	531632	Xã Ea Riêng	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Đội 1 (Kháng)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,11	0,41			
467	Hồ Đội 6 (Hào)	1410896	532093	Xã Ea Riêng	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Đội 6 (Hào)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,09	0,24			
468	Hồ Đội 9 (Thỏa)	1409886	532972	Xã Ea Riêng	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Đội 9 (Thỏa)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,05	0,32			
469	Hồ Đội 14 (Ngàn)	1411822	535374	Xã Ea Riêng	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Đội 14 (Ngàn)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,08	0,41			
470	Hồ Krông Á 2	1405415	521112	Xã Krông Á	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Sông Ea Krông A	Tưới, sản xuất nông nghiệp	2,31	0,20			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
471	Hồ Ea Mróh	1410996	521708	Xã M'Drắk	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Mróh	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,16	0,07			
472	Hồ Ea Ktung	1407979	524177	Xã M'Drắk	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Ktung	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,20	0,05			
473	Hồ Ea Bôi	1414539	525463	Xã M'Drắk	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Suối Ea Pa	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,56	0,90			
474	Hồ Ea Kpal	1411610	526791	Xã M'Drắk	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Ea Kpal	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,10	0,12			
475	Trạm bơm thôn 6	1387695	489842	Xã Krông Bông	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm bơm	Suối Ea K'Tour	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,49			
476	Trạm bơm T86	1405483	504903	Xã Ea Ô	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm bơm	Sông Ea Krông Pắc	Tưới, sản xuất nông nghiệp		2,99			
477	Trạm bơm Thôn 3A	1405371	501841	Xã Ea Ô	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm bơm	Sông Ea Krông Pắc	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,83			
478	Trạm bơm Quản Cư 2B	1412461	499526	Xã Ea Kar	Đắk Lắk	Sông Ba	Trạm bơm	Phụ lưu nội tỉnh - sông Krông Năng	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,25			
479	Trạm bơm T79	1405725	504177	Xã Ea Păl	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm bơm	Sông Ea Krông Pắc	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,57			
480	Trạm bơm T91	1405245	506323	Xã Ea Păl	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm bơm	Sông Ea Krông Pắc	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,17			
481	Đập dâng Ea Bar	1414042	446034	Xã Ea Nuôi	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Đập dâng	Suối Ea H'Nênh	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,16			
482	Đập dâng Dren B (Đập dâng Drên B)	1370135	462999	Xã Đắk Liêng	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Đập dâng	Suối Đắk Phoi	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,27			
483	Đập dâng Ea Tung	1372325	506005	Xã Yang Mao	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Đập dâng	Sông Ea Krông Bông	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,20			
484	Đập thời vụ thôn 2	1415273	528140	Xã M'Drắk	Đắk Lắk	Sông Ba	Đập dâng	Suối Ea H Mlay	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,89			
485	Hồ Du Mah (Hồ Buôn Du Mah)	1362590	468290	Xã Đắk Phoi	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Du Mah (Hồ Buôn Du Mah)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,19	0,03			
486	Hồ Buôn Jol	1364585	460788	Xã Đắk Phoi	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Buôn Jol	Tưới, sản xuất	0,13	0,06			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
									nông nghiệp					
487	Hồ Pluk (Hồ Nam Ka)	1361923	450747	Xã Nam Ka	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Pluk (Hồ Nam Ka)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	1,08	0,20			
488	HT đập dâng Krông Kmar	1377079	482182	Xã Krông Bông	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Đập dâng	Sông Ea Krông K'mar	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,20			
489	Hồ chứa thủy điện Ea Kha	1374674	508576	Xã Yang Mao	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Suối Ea Ka	Phát điện				3.000	
490	Hồ thủy điện Krông Kmar	1377108	482188	Xã Hòa Sơn	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Sông Ea Krông K'mar	Phát điện	0,82			12.000	
491	Hồ Ea Breng (Hồ Ea Preng (Buôn Phung))	1384242	497936	Xã Cư Pui	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Breng (Hồ Ea Preng (Buôn Phung))	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,09	0,05			
492	Hồ Phước Hà II	1401978	474954	Xã Krông Pắc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Phước Hà II	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,34	0,09			
493	Hồ Phước An 3 (Mỹ Cảnh)	1402803	475171	Xã Krông Pắc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Phước An 3 (Mỹ Cảnh)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,14	0,20			
494	Hồ buôn Cư Kuaih (Hồ Buôn Cư Quai)	1406965	469678	Xã Ea Knuéc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ buôn Cư Kuaih (Hồ Buôn Cư Quai)	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,42	0,20			
495	Hồ thủy điện 715	1417281	537647	Xã Ea Riêng	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ thủy điện 715	Phát điện				2.500	
496	Hồ thủy điện Ea M'Doal 2	1412723	541126	Xã Ea Riêng	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Sông Ea Mdoal	Phát điện	3,70			4.000	
497	Hồ đội 41	1410296	531345	Xã Ea Riêng	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ đội 41	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,29	1,04			
498	Hồ Đội 16	1410410	534352	Xã Ea Riêng	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Đội 16	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,24	0,50			
499	Hồ Đội 2	1413964	534398	Xã Ea Riêng	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ Đội 2	Tưới, sản xuất nông nghiệp	0,22	0,41			
500	Trạm cấp nước Ea Chư Káp	1398974	461437	Xã Ea Ktur	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm cấp nước	Sông Ea Knir	Sinh hoạt					1000
501	Nhà máy cấp nước Ea Wer	1415836	431153	Xã Ea Wer	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm cấp nước	Sông Ea Hang	Sinh hoạt					1000
502	Cấp nước hồ Ea	1444716	433525	Xã Ea Súp	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm cấp	Hồ Ea Súp Hạ	Sinh hoạt					4000

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	Súp hạ, thị trấn Ea Súp, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk						nước							
503	Trạm cấp nước xã Buôn Tría	1369979	458646	Xã Đắk Liêng	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm cấp nước	Sông Ea Krông Hiding	Sinh hoạt					150
504	Trạm cấp nước xã Nam Ka	1361032	450306	Xã Nam Ka	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm cấp nước	Sông Eo Lông Ding	Sinh hoạt					350
505	Trạm cấp nước xã Bông Krang	1372772	469107	Xã Liên Sơn Lắk	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm cấp nước	Suối Bông Krang	Sinh hoạt					450
506	Trạm cấp nước thôn 4	1384762	488415	xã Krông Bông	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm cấp nước	Suối Ea K'Tour	Sinh hoạt					100
507	Trạm cấp nước Đông Lễ	1384291	491065	xã Krông Bông	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm cấp nước	Suối Ea K'Tour	Sinh hoạt					130
508	Trạm cấp nước Trung Lễ	1386235	489830	xã Krông Bông	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm cấp nước	Suối Ea K'Tour	Sinh hoạt					120
509	Trạm cấp nước Buôn Ja	1380664	482241	xã Hòa Sơn	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm cấp nước	Sông Ea Krông K'mar	Sinh hoạt					500
510	Trạm cấp nước xã C Pui	1382381	500074	Xã Cư Pui	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm cấp nước	Suối Ea K'Tour	Sinh hoạt					500
511	Trạm cấp nước xã C Dăm	1379154	503696	Xã Yang Mao	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm cấp nước	Sông Ea Krông Bông	Sinh hoạt					350
512	Trạm cấp nước xã C Elang	1392635	505546	Xã Ea Ô	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm cấp nước	Sông Ea Rok	Sinh hoạt					650
513	Trạm cấp nước thị trấn Ea Kar	1416356	493888	Xã Ea Kar	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm cấp nước	Sông Ea Kar	Sinh hoạt					2.500
514	Trạm cấp nước thôn 5	1419185	533005	Xã Ea Riêng	Đắk Lắk	Sông Ba	Trạm cấp nước	Suối Ea H Mlay	Sinh hoạt					120
515	Hồ chứa nước Ea Nhái	1407976	467283	Xã Ea Knuéc	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Hồ Ea Nhái	Tưới, công nghiệp	11,03	0,98	400		
516	Hồ trung tâm nhà máy cao su Krông Búk tại thôn Hồ Tiếng, xã Ea Hồ,	1407333	507581	Xã Krông Năng	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm bơm	Hồ trung tâm nhà máy cao su Krông Búk	Công nghiệp			523		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk													
517	Công trình khai thác, sử dụng nước mặt suối Krông Jing tại thôn 3, xã Krông Jing, huyện M'Drăk, tỉnh Đắk Lắk	1412361	522464	Xã M'Drăk	Đắk Lắk	Sông Ba	Trạm bơm	Suối Krông Jing	Công nghiệp			2700		
518	Nhà máy cấp nước sạch Đạt Lý, công suất 5000 m³/ngày đêm	1409185	457586	Phường Tân An	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm cấp nước	Hồ thủy lợi Đạt Lý (suối EA Chur)	Sinh hoạt					5000
519	Công trình khai thác nước mặt trạm bơm Krông Á	1405345	521690	Xã Krông Á	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm bơm	Hồ thủy lợi Krông Á	Công nghiệp			1000		
520	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn xã Hoà Phong, huyện Krông Bông	1382746	494657	Xã Cư Pui	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm cấp nước	Nước mặt nhánh cấp 1 suối EA Drouih thuộc chi lưu suối Krông Kmar	Sinh hoạt					760
521	Hồ chứa nước Ea Rót	1392619	505219	Xã Ea Ô	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Sông Ea Rok, phụ lưu sông Ea Krông Păk	Tưới, sinh hoạt	18,53	2,09			578
522	Công trình khai thác nước mặt nhà máy mía đường 333, công	1415392	504255	Xã Ea Knốp	Đắk Lắk	Sông Ba	Trạm bơm	Hồ Ea Knốp	Công nghiệp			6720		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	suất lớn nhất 6720 m³/ngày													
523	Cấp nước sinh hoạt xã Ea Sin, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk	1444370	458595	Xã Cư Pong	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm cấp nước	Hồ thủy lợi Cư Pong	Sinh hoạt					300
524	Hồ chứa nước Krông Pách Thượng	1396781	517542	Xã Cư Yang	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Hồ chứa	Sông Ea Krông Pắc	Tưới, sinh hoạt	122,69	13,13			13.824
525	Công trình khai thác nước mặt suối Ea Pal tại thôn 6B, xã Ea Pal, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	1407333	507581	Xã Ea Păl	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm bơm	Suối Ea Pal	Công nghiệp			2100		
526	Hồ thủy điện Ea M'Doal 3	1415568	546379	Xã Ea Riêng	Đắk Lắk	Sông Ba	Hồ chứa	Hồ thủy điện Ea M'Doal 3	Phát điện	0,22			1.890	
527	Cấp nước sinh hoạt xã Bông Krang, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk	1373061	471984	Xã Liên Sơn Lắk	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm cấp nước	Kênh thủy lợi cấp 1 của suối Bông Krang, chi lưu sông Krông Ân	Sinh hoạt					500
528	Trạm bơm tưới tiếp nước cho hồ Vụ Bồn chống hạn	1400179	493245	Xã Vụ Bồn	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm bơm	Sông Krông Pắc (phụ lưu sông Krông Ân)	Tưới, sản xuất nông nghiệp		0,25			
529	Trạm bơm khai thác nước mặt phục vụ sản xuất chế biến tinh bột sắn tại xã Dang Kang, huyện	1391063	480458	Xã Dang Kang	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm bơm	Suối Dang Kang	Công nghiệp			1200		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 KTT 108°30' múi chiều 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	Krông Bông													
530	Công trình cấp nước sinh hoạt Krông Kmar, huyện Krông Bông (cấp nước sinh hoạt cho xã Hoà Sơn và 6 thôn thuộc xã Khuê Ngọc Điền	1379402	482828	Xã Krông Bông	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm cấp nước	Suối Xanh (thuộc chi lưu suối Krông Kmar, sông Ea Krông Bông)	Sinh hoạt					1950
531	Cấp nước thị xã Buôn Hồ	1427880	463827	Phường Cư Bao	Đắk Lắk	Sông Srêpôk	Trạm cấp nước	Hồ Nam Hồng 1	Sinh hoạt					1900
		1426800	465934	Phường Buôn Hồ				Hồ Hợp Thành						1000